

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC  
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

## MỤC LỤC

## Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk theo Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 12/01/2006 của UBND Tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 6000175995 ngày 28/04/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/07/2014. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 196.827.177.746 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2016 là: 183.353.861.697 đồng.

#### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Điện thoại: 0500.3852619
- Fax: 0500.3859833

**Lĩnh vực kinh doanh chính:** Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

Đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Đầu tư xây dựng nước và môi trường  
Địa chỉ: 68 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

#### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2016 là 352 người. Trong đó, viên chức viên quản lý là 6 người.

Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

#### **Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                           |                        |  |
|---------------------------|------------------------|--|
| • Ông Trần Văn Thiện      | Chủ tịch kiêm Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/12/2012                               |
| • Bà Nguyễn Thị Nhi       | Kiểm soát viên         | Bổ nhiệm ngày 27/06/2014<br>Miễn nhiệm ngày 14/01/2016 |
| • Ông Nguyễn Công Định    | Kiểm soát viên         | Bổ nhiệm ngày 01/04/2016                               |
| • Ông Nguyễn Văn Tin      | Phó Giám đốc           | Bổ nhiệm ngày 05/11/2013                               |
| • Ông Nguyễn Khắc Dân     | Phó Giám đốc           | Bổ nhiệm ngày 17/09/2013                               |
| • Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai | Phó Giám đốc           | Bổ nhiệm ngày 05/11/2013                               |
| • Ông Trần Trọng Phát     | Kế toán trưởng         | Bổ nhiệm ngày 15/04/2014                               |



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam (Trụ sở chính: số 36 Phạm Hồng Thái, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; trụ sở tại Thành phố Đà Nẵng: Số 176/28 Lý Tự Trọng, P. Thanh Bình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3691789; Fax: (84) 0511.3691188; Website: avnaudit.vn).

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

- Ông Trần Văn Thiện                      Chủ tịch kiêm Giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 12/12/2012

### Trách nhiệm của ban giám đốc trong việc lập các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc  
  
CÔNG TY  
THỰC ĐỘT TRÁNH VIỆN  
CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG  
ĐẮK LẮK  
BUÔN MA THUỘT - T. Đ. B.

Trần Văn Thiện

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 03 năm 2017





Số: 72/2017/BCKT-TC-AVN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk, được lập ngày 29/03/2017, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như đã trình bày tại thuyết minh số 16, Dự án cấp nước mặt hồ Ea Chư Cáp đã đưa vào khai thác nước chưa được duyệt quyết toán vốn đầu tư công ty chưa tạm tính nguyên giá để hạch toán tăng tài sản cố định và trích khấu hao là chưa đúng với Chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2016/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính. Theo đó giá trị xây dựng cơ bản dở dang của công trình này tại ngày 31/12/2016 là 14.529.294.061 đồng.



2. Công ty chưa hạch toán giảm giá trị nguyên giá Tài sản cố định bàn giao cho UBND TP. Buôn Ma Thuột số tiền 728.693.198 đồng là chưa đúng với Chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2016/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.
3. Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 8.807.061.443 đồng. Nếu lập dự phòng theo đúng qui định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính thì chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 sẽ là (3.752.804.258) đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp" trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 sẽ là (3.752.804.258) đồng.
4. Một số khoản nợ phải thu 15.341.214.869 đồng và nợ phải trả 21.801.191.248 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2016. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính đúng đắn của các khoản nợ nêu trên cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác của báo cáo tài chính năm 2016.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đăk Lăk tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam



**Trần Hà Diễm Phương**  
Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1446-2014-231-1

Buôn Ma Thuột, ngày 30 tháng 3 năm 2017

**Huỳnh Minh Hưng**  
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3402-2016-231-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>95.814.518.251</b>	<b>82.557.483.205</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>24.424.835.748</b>	<b>21.680.838.052</b>
1. Tiền	111	5	16.424.835.748	17.680.838.052
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	8.000.000.000	4.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.736.579.672</b>	<b>40.395.287.113</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	19.726.547.175	27.271.319.925
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	2.314.784.203	2.940.692.203
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	27.243.491.413	10.731.529.504
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(548.243.119)	(548.254.519)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.321.602.831</b>	<b>15.468.740.373</b>
1. Hàng tồn kho	141	12	17.321.602.831	15.468.740.373
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>331.500.000</b>	<b>12.617.667</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	331.500.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	-	12.617.667
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>256.982.278.818</b>	<b>270.291.403.211</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>231.964.622.922</b>	<b>225.009.145.880</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	230.836.663.832	224.375.815.778
- Nguyên giá	222		424.422.563.066	398.282.948.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(193.585.899.234)	(173.907.133.022)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.127.959.090	633.330.102
- Nguyên giá	228		1.127.959.090	1.127.959.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(494.628.988)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.489.826.679</b>	<b>40.782.849.262</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	20.489.826.679	40.782.849.262
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.527.829.217</b>	<b>4.499.408.069</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	4.527.829.217	4.499.408.069
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>352.796.797.069</b>	<b>352.848.886.416</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.829.115.893</b>	<b>37.642.410.438</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.829.115.893</b>	<b>37.642.410.438</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	11.226.551.406	13.561.429.791
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	15.671.271	15.671.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	2.367.696.608	2.132.030.260
4. Phải trả người lao động	314	21	10.285.860.399	7.538.105.528
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	10.751.386.760	10.763.747.973
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.181.949.449	3.631.425.615
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>314.967.681.176</b>	<b>315.206.475.978</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>314.967.681.176</b>	<b>315.206.475.978</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	183.115.066.895	183.353.861.697
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	10.530.599.477	10.530.599.477
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	3.908.204	3.908.204
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	23	121.318.106.600	121.318.106.600
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>352.796.797.069</b>	<b>352.848.886.416</b>

**Đặng Thị Ngọc Linh**  
Người lập biểu

**Trần Trọng Phát**  
Kế toán trưởng



**Trần Văn Thiện**  
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	110.973.201.608	101.867.109.047
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	192.583.429	56.261.775
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		110.780.618.179	101.810.847.272
4. Giá vốn hàng bán	11	25	89.241.829.312	83.770.762.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>21.538.788.867</u>	<u>18.040.084.992</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	785.208.003	333.341.096
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	18.158.518.264	13.418.913.303
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>4.165.478.606</u>	<u>4.954.512.785</u>
11. Thu nhập khác	31	28	1.959.451.096	449.858.824
12. Chi phí khác	32	29	1.070.672.517	534.330.808
13. Lợi nhuận khác	40		<u>888.778.579</u>	<u>(84.471.984)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	<u>5.054.257.185</u>	<u>4.870.040.801</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.253.674.945	1.167.215.264
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>3.800.582.240</u>	<u>3.702.825.537</u>

**Đặng Thị Ngọc Linh**  
Người lập biểu

**Trần Trọng Phát**  
Kế toán trưởng



**Trần Văn Thiện**  
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Chi tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	130.776.122.549	109.197.745.043
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(41.878.830.806)	(39.629.554.944)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(47.272.666.480)	(41.730.158.603)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(936.721.083)	(746.635.920)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.825.848.037	12.943.692.544
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.714.256.289)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.799.495.928</b>	<b>40.035.088.120</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.683.828.791)	(38.306.866.572)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	628.330.559	333.341.096
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(20.055.498.232)</b>	<b>(42.973.525.476)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(14.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(14.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.743.997.696</b>	<b>(16.938.437.356)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.680.838.052	38.619.275.408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>24.424.835.748</b>	<b>21.680.838.052</b>

**Đặng Thị Ngọc Linh**  
Người lập biểu

**Trần Trọng Phát**  
Kế toán trưởng



**Trần Văn Thiện**  
Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2017



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước 100% vốn nhà nước

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính**

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; Xây dựng sửa chữa công trình cấp thoát nước

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh chính**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Khai thác xử lý và cung cấp nước, sản xuất và mua bán nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình cấp, thoát nước; quản lý, kiểm tra và giám định chất lượng công trình xây dựng; Tư vấn quản lý dự án công trình xây dựng, công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: công trình cấp, thoát nước, xử lý nước thải, bãi chôn chắt thải, nhà máy xử lý rác thải; Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cấp, thoát nước; Lập báo cáo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán công trình xây dựng dân dụng, cấp, thoát nước, xử lý nước thải; Khảo sát địa chất công trình, khảo sát và thiết kế khai thác mỏ khoáng sản; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, công trình cấp thoát nước;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán các loại vật tư chuyên ngành cấp thoát nước, xử lý nước thải và rác thải các loại; Các loại máy bơm, thiết bị trong lĩnh vực cấp, thoát nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San ủi mặt bằng xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Khoan thăm dò và khai thác nước ngầm; Thi công và lắp đặt các công trình đường ống cấp thoát nước; Thi công xây dựng kênh mương, rãnh thoát nước; Xây dựng trạm bơm, hồ, đập, bể chứa, công trình vệ sinh môi trường và xử lý chất thải rắn; Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước; Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện dân dụng, hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, xử lý và tiêu hủy rác thải y tế và rác thải không độc hại khác.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty 12 tháng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xi nghiệp Đầu tư xây dựng nước và môi trường	68 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

### **1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước

## **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Số tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;
- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu nội bộ:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 45
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 – 10



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.8 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty/Doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### **Bản quyền, bằng sáng chế**

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	10
Quyền khai thác nước ngầm	3 - 20

### **4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **4.10 Các khoản phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

### 4.11 *Vốn chủ sở hữu*

*Vốn góp của chủ sở hữu* được phản ánh số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

*Vốn khác của chủ sở hữu* được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### 4.12 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ...

### 4.13 *Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác*

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
  - ✓ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
  - ✓ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
  - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
  - ✓ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
  - ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
  - ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu xây dựng:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- ✓ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- ✓ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ năm tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi,....

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Hoạt động kinh doanh xây lắp áp dụng thuế suất 10%; các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành;
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***5. Tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	60.380.650	231.016.790
Tiền gửi ngân hàng	16.364.455.098	17.449.821.262
<b>Cộng</b>	<b>16.424.835.748</b>	<b>17.680.838.052</b>

**6. Các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Đắk Lắk	2.000.000.000	2.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	4.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

**8. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng (Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk)	122.672.800	3.050.464.459
Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk	112.618.529	5.617.989.529
Nước tư gia	6.728.533.213	6.325.074.211
Ban Quản lý dự án huyện Ea Kar	1.711.334.000	-
Các đối tượng khác	6.053.981.668	7.920.182.795
<b>Cộng</b>	<b>19.726.547.175</b>	<b>27.271.319.925</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu	-	643.397.000
Công ty TNHH Xây dựng Tiến Thịnh	1.776.258.550	1.776.258.550
Các đối tượng khác	538.525.653	521.036.653
<b>Cộng</b>	<b>2.314.784.203</b>	<b>2.940.692.203</b>

### 10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	5.522.989.194	-	8.115.344.025	-
Lãi dự thu	156.877.444	-	-	-
Bảo hiểm xã hội Gia Lai	-	-	-	-
Tạm ứng lương Krông Pắc ( Đội Dững )	615.877.092	-	615.877.092	-
Đội xây lắp Dững + Tâm ( Tuyển ống Cấp III )	466.771.249	-	466.771.249	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đông Dương	521.499.097	-	521.499.097	-
Ban Quản lý Dự án cấp nước 3 Huyện ( Ea Kar - Buôn Đôn - Krông Năng )	19.300.722.425	-	-	-
Phải thu khác	658.754.912	-	1.012.038.041	-
<b>Cộng</b>	<b>27.243.491.413</b>	<b>-</b>	<b>10.731.529.504</b>	<b>-</b>

### 11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	548.243.119	548.254.519
<b>Cộng</b>	<b>548.243.119</b>	<b>548.254.519</b>

### 12. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.793.222.095	-	11.852.411.669	-
Công cụ, dụng cụ	112.154.422	-	113.354.422	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.416.226.314	-	3.502.974.282	-
<b>Cộng</b>	<b>17.321.602.831</b>	<b>-</b>	<b>15.468.740.373</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

**13. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Cước dịch vụ phát hành và lưu trữ hóa đơn điện tử	331.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>331.500.000</b>	<b>-</b>

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	87.249.509.602	18.012.202.137	283.297.401.776	9.723.835.285	398.282.948.800
Mua sắm trong năm	-	163.500.003	15.978.279.431	-	16.141.779.434
XDCB hoàn thành	-	1.898.429.356	8.338.200.278	-	10.236.629.634
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(238.794.802)	-	-	-	(238.794.802)
<b>Số cuối năm</b>	<b>87.010.714.800</b>	<b>20.074.131.496</b>	<b>307.613.881.485</b>	<b>9.723.835.285</b>	<b>424.422.563.066</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	49.511.955.017	15.017.944.729	100.632.138.925	8.745.094.351	173.907.133.022
Khấu hao trong năm	3.757.881.376	749.163.355	14.034.599.317	422.559.338	18.964.203.386
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>53.269.836.393</b>	<b>15.767.108.084</b>	<b>114.666.738.242</b>	<b>9.167.653.689</b>	<b>192.871.336.408</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	37.737.554.585	2.994.257.408	182.665.262.851	978.740.934	224.375.815.778
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.740.878.407</b>	<b>4.307.023.412</b>	<b>192.947.143.243</b>	<b>556.181.596</b>	<b>231.551.226.658</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 94.590.773.849 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng cầm cố thế chấp các khoản vay tại 31/12/2016 là 0 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	413.240.000	714.719.090	1.127.959.090
Mua sắm trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>413.240.000</b>	<b>714.719.090</b>	<b>1.127.959.090</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	128.929.324	365.699.664	494.628.988
Khấu hao trong năm	37.083.996	182.849.842	219.933.838
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>166.013.320</b>	<b>548.549.506</b>	<b>714.562.826</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	284.310.676	349.019.426	633.330.102
<b>Số cuối năm</b>	<b>247.226.680</b>	<b>166.169.584</b>	<b>413.396.264</b>

**16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	01/01/2016
Dự án cấp nước mặt hồ Ea Chư Cáp (*)	14.529.294.061	14.529.294.061
Dự án Cấp nước ba huyện ( Ea Kar - Buôn Đôn - Krông Năng )	1.368.801.738	9.428.883.842
Di dời đường ống xấp nước sinh hoạt , mở rộng đường HCM qua địa bàn Huyện Krôngbuk	-	15.837.915.319
Nâng cấp nhà máy xử lý Ea Chư Cáp từ 5.000 lên 7.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	3.074.231.363	127.535.181
Công trình khác	1.517.499.517	859.220.859
<b>Cộng</b>	<b>20.489.826.679</b>	<b>40.782.849.262</b>

(\*) Công trình này đã đưa vào khai thác nước nhưng do chưa được quyết toán nên công ty chưa hạch toán tăng Tài sản cố định công trình này.

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.344.777.069	4.333.142.524
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản chờ phân bổ	183.052.148	166.265.545
<b>Cộng</b>	<b>4.527.829.217</b>	<b>4.499.408.069</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nguyễn Vương Thành (Công Trình Buôn Ky)	100.000.000	4.778.694.926
Nguyễn Vương Thành (Thôn 4,9,10,11 Hòa Thắng)	2.266.648.280	2.266.648.280
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	1.016.357.100	-
Quản lý công trình vốn khấu hao	1.598.925.366	827.589.635
Các đối tượng khác	6.244.620.660	5.688.496.950
<b>Cộng</b>	<b>11.226.551.406</b>	<b>13.561.429.791</b>

### 19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Krông Pắc	4.207.651	4.207.651
Ban thi đua khen thưởng Tỉnh	3.150.000	3.150.000
Trường Mầm non Hoa Hồng	3.000.000	3.000.000
Trường Mầm non Khánh Xuân	2.254.224	2.254.224
Các đối tượng khác	3.059.396	3.059.396
<b>Cộng</b>	<b>15.671.271</b>	<b>15.671.271</b>

### 20. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	231.563.576	2.778.677.773	2.858.870.616	-	151.370.733
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	811.486.783	1.169.443.765	986.358.602	-	994.571.946
Thuế thu nhập cá nhân	12.617.667	-	2.085.110.410	1.689.517.458	-	382.975.285
Thuế tài nguyên	-	205.142.324	3.304.224.819	3.171.667.038	-	337.700.105
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	419.519.281	48.887.882	468.407.163	-	-
Phí và lệ phí	-	464.318.296	6.028.962.653	5.992.202.410	-	501.078.539
<b>Cộng</b>	<b>12.617.667</b>	<b>2.132.030.260</b>	<b>15.415.307.302</b>	<b>15.167.023.287</b>	<b>-</b>	<b>2.367.696.608</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
Vật tư Dự án bán giao năm 2002	1.767.152.441	1.767.152.441
Kinh phí công đoàn	97.718.280	76.792.710
Tin dụng chuyên ngành Hiệp định Việt Nam X -3	8.059.727.581	8.059.727.581
Các khoản phải trả khác	826.788.458	860.075.241
<b>Cộng</b>	<b>10.751.386.760</b>	<b>10.763.747.973</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	183.353.861.697	10.494.546.457	3.908.204	-	121.318.106.600	315.170.422.958
Tăng trong năm	-	36.053.020	-	3.702.825.537	-	3.738.878.557
Giảm trong năm	-	-	-	(3.702.825.537)	-	(3.702.825.537)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>183.353.861.697</b>	<b>10.530.599.477</b>	<b>3.908.204</b>	<b>-</b>	<b>121.318.106.600</b>	<b>315.206.475.978</b>
Số dư tại 01/01/2016	183.353.861.697	10.530.599.477	3.908.204	-	121.318.106.600	315.206.475.978
Tăng trong năm	-	-	-	3.800.582.240	-	3.800.582.240
Giảm trong năm	(238.794.802)	-	-	(3.800.582.240)	-	(4.039.377.042)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>183.115.066.895</b>	<b>10.530.599.477</b>	<b>3.908.204</b>	<b>-</b>	<b>121.318.106.600</b>	<b>314.967.681.176</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	183.115.066.895	183.353.861.697
<b>Cộng</b>	<b>183.115.066.895</b>	<b>183.353.861.697</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	183.353.861.697	183.353.861.697
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	(238.794.802)	-
- Vốn góp cuối năm	183.115.066.895	183.353.861.697



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	3.800.582.240	3.702.825.537
Phân phối lợi nhuận	3.800.582.240	3.702.825.537
Phân phối lợi nhuận năm nay	3.800.582.240	3.702.825.537
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	36.053.020
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.800.582.240	3.158.199.117
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	508.573.400
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**23. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt	100.093.005.858	85.945.489.271
Doanh thu hoạt động xây lắp	9.691.422.564	13.643.691.142
Doanh thu tư vấn, khảo sát thiết kế, doanh thu khác	1.188.773.186	2.277.928.634
<b>Cộng</b>	<b>110.973.201.608</b>	<b>101.867.109.047</b>

**24. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	192.583.429	52.043.751
Hàng bán bị trả lại	-	4.218.024
<b>Cộng</b>	<b>192.583.429</b>	<b>56.261.775</b>

**25. Giá vốn**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động sản xuất nước	81.608.603.946	72.769.821.637
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.651.579.245	9.225.379.047
Giá vốn hoạt động tư vấn, khảo sát thiết kế, các hoạt động khác	981.646.121	1.775.561.596
<b>Cộng</b>	<b>89.241.829.312</b>	<b>83.770.762.280</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	785.208.003	333.341.096
<b>Cộng</b>	<b>785.208.003</b>	<b>333.341.096</b>

### 27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.251.322.569	4.605.661.582
Chi phí đồ dùng văn phòng	180.251.423	234.227.681
Thuế, phí và lệ phí	10.086.444.392	6.716.737.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.797.904	58.178.762
Chi phí bằng tiền khác	2.350.701.976	1.804.107.968
<b>Cộng</b>	<b>18.158.518.264</b>	<b>13.418.913.303</b>

### 28. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền thuê đất được giảm	1.484.175.147	259.339.985
Vật tư thu hồi	94.226.380	79.935.591
Phạt vi phạm hợp đồng	110.432.586	71.600.000
Điều chỉnh giảm chi phí công trình cắt giảm	232.848.591	-
Các khoản khác	37.768.392	38.983.248
<b>Cộng</b>	<b>1.959.451.096</b>	<b>449.858.824</b>

### 29. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	46.684.643	335.483.126
Ứng hộ là đường công ích	-	100.000.000
Điều chỉnh giảm kho hóa chất clo hơi	-	53.649.000
Chi 30% tiền thu phạt hợp đồng	18.450.000	25.770.000
Chi phí nhân công chi trả thiếu	683.659.557	-
Điều chỉnh giảm giá trị công trình cắt giảm	274.484.235	-
Các khoản khác	47.394.082	19.428.682
<b>Cộng</b>	<b>1.070.672.517</b>	<b>534.330.808</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.054.257.185	4.870.040.801
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	512.407.071	435.483.126
Điều chỉnh tăng	767.457.676	435.483.126
- Phạt vi phạm hành chính	46.684.643	435.483.126
- Lãi CLTG chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	-	-
- Chi phí không hợp lệ khác	720.773.033	-
Điều chỉnh giảm	255.050.605	-
- Đã tính thuế TNDN theo biên bản kiểm tra thuế năm 2015	255.050.605	-
- Lãi CLTG đánh giá lại cuối kỳ của tiền	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.566.664.256	5.305.523.927
Thuế TNDN hiện hành	1.113.332.852	1.167.215.264
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	1.113.332.852	1.167.215.264
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.113.332.852</b>	<b>1.167.215.264</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.113.332.852	1.061.104.785
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	140.342.093	-

**31. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

**33. Số liệu so sánh****a) Trình bày lại theo chế độ kế toán**

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 01/01/2016 trình bày lại		Số liệu tại ngày 31/12/2015 được kiểm toán		Chênh lệch	Ghi chú
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
Các khoản tương đương tiền	112	4.000.000.000	112	-	4.000.000.000	(1)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9.000.000.000	123	5.000.000.000	4.000.000.000	(1)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Số liệu tại ngày 01/01/2016 trình bày lại		Số liệu tại ngày 31/12/2015 được kiểm toán		Chênh lệch	Ghi chú
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	5.000.000.000	23	-	5.000.000.000	(2)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.680.838.052	70	26.680.838.052	(5.000.000.000)	(2)

(1) Tăng chi tiêu "Các khoản tương đương tiền" đồng thời giảm chi tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" số tiền: 4.000.000.000 đồng là do chuyển số dư nợ tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại chi tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" sang.

(2) Tăng chi tiêu "Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác" đồng thời giảm chi tiêu "Tiền và tương đương tiền cuối kỳ" số tiền 5.000.000.000 đồng do đây là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

**b) Các khoản mục khác**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.





**Đặng Thị Ngọc Linh**

**Trần Trọng Phát**

**Trần Văn Thiện**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2017



**CÔNG CHỨNG VIÊN  
Đỗ Văn Chính**